

Số: 1439/QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; dự toán thu, chi ngân sách; biên chế hành chính, sự nghiệp; khoa học và công nghệ năm 2026;

Căn cứ Công văn số 648/UBND-KGVX ngày 12/02/2026 của UBND Thành phố về việc kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 (tạm cấp kinh phí 04 tháng cuối năm 2025 để thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia thí điểm đặt hàng dịch vụ giáo dục năm học 2025-2026 tự bảo đảm chi thường xuyên năm 2025, tổng số tiền là 35.375.623.000 đồng (Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng), chi tiết theo các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng có liên quan của Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực I;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiền

PHỤ LỤC SỐ 01
GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1439/QĐ-SGDĐT ngày 12/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Chương 422.		Đơn vị tính: nghìn đồng.	
Số TT	Tên đơn vị	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
		Tổng số	Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước - Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng 8 tháng đầu năm 2026 (tạm cấp kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ 04 tháng cuối năm 2025)
A	B	1	2
	TỔNG SỐ	35.375.623	35.375.623
	Chia ra:		
	Quản lý hành chính	-	-
	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	35.375.623	35.375.623
	Cộng Loại 070 Khoản 074	35.375.623	35.375.623
1	Trường THPT Đông Đa	379.380	379.380
2	Trường THPT Kim Liên	359.873	359.873
3	Trường THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	373.837	373.837
4	Trường THPT Quang Trung - Đống Đa	362.213	362.213
5	Trường THPT Văn Nội	343.138	343.138
6	Trường THPT Cổ Loa	328.751	328.751
7	Trường THPT Liên Hà	333.816	333.816
8	Trường THPT Đông Anh	295.916	295.916
9	Trường THPT Sóc Sơn	320.168	320.168
10	Trường THPT Kim Anh	288.624	288.624
11	Trường THPT Trung Giã	254.111	254.111
12	Trường THPT Đa Phúc	322.405	322.405
13	Trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm	389.076	389.076
14	Trường THPT Việt Đức	337.774	337.774
15	Trường THPT chuyên Chu Văn An	493.865	493.865
16	Trường THPT Tây Hồ	348.780	348.780
17	Trường THPT Phan Đình Phùng	374.849	374.849
18	Trường THPT Phạm Hồng Thái	353.000	353.000
19	Trường THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	313.395	313.395
20	Trường THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	531.232	531.232
21	Trường THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân	302.074	302.074
22	Trường THPT Nhân Chính	283.570	283.570
23	Trường THPT Yên Hoà	316.304	316.304
24	Trường THPT Việt Nam - Ba Lan	365.788	365.788
25	Trường THPT Ngọc Hồi	368.045	368.045
26	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	337.465	337.465
27	Trường THPT Ngô Thi Nhậm	299.342	299.342
28	Trường THPT Thăng Long	328.266	328.266
29	Trường THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng	352.404	352.404
30	Trường THPT Trần Nhân Tông	339.266	339.266
31	Trường THPT Trương Định	343.620	343.620
32	Trường THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm	317.219	317.219
33	Trường THPT Yên Viên	294.596	294.596
34	Trường THPT Dương Xá	284.852	284.852

Số TT	Tên đơn vị		Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
			Tổng số	Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước - Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng 8 tháng đầu năm 2026 (tạm cấp kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ 04 tháng cuối năm 2025)
A	B		1	2
35	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ		302.608	302.608
36	Trường THPT Nguyễn Gia Thiều		337.025	337.025
37	Trường THPT Lý Thường Kiệt		237.954	237.954
38	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai		309.816	309.816
39	Trường THPT Xuân Đình		348.996	348.996
40	Trường THPT Đại Mỗ		256.277	256.277
41	Trường THPT Thượng Cát		279.582	279.582
42	Trường THPT Xuân Giang		256.240	256.240
43	Trường THPT Minh Phú		190.000	190.000
44	Trường THPT Cầu Giấy		388.318	388.318
45	Trường THPT Trung Văn		306.558	306.558
46	Trường THPT Mê Linh		307.101	307.101
47	Trường THPT Tự Lập		205.704	205.704
48	Trường THPT Quang Minh		239.710	239.710
49	Trường THPT Tiên Thịnh		216.516	216.516
50	Trường THPT Tiên Phong		258.673	258.673
51	Trường THPT Yên Lãng		255.331	255.331
52	Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		389.956	389.956
53	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ		440.452	440.452
54	Trường THPT Quang Trung - Hà Đông		329.668	329.668
55	Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		343.820	343.820
56	Trường THPT chuyên Sơn Tây		492.654	492.654
57	Trường THPT Tùng Thiện		354.741	354.741
58	Trường THPT Xuân Khanh		265.487	265.487
59	Trường THPT Ba Vì		310.546	310.546
60	Trường THPT Bất Bạt		219.230	219.230
61	Trường THPT Ngô Quyền - Ba Vì		396.105	396.105
62	Trường THPT Quảng Oai		385.847	385.847
63	Trường phổ thông Dân tộc nội trú		243.360	243.360
64	Trường THPT Phúc Thọ		330.155	330.155
65	Trường THPT Ngọc Tảo		371.780	371.780
66	Trường THPT Vân Cốc		217.620	217.620
67	Trường THPT Đan Phượng		306.146	306.146
68	Trường THPT Hồng Thái		284.899	284.899
69	Trường THPT Tân Lập		298.000	298.000
70	Trường THPT Thạch Thất		378.387	378.387
71	Trường THPT Phùng Khắc Khoan-T.Thất		356.821	356.821
72	Trường THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất		339.778	339.778
73	Trường THPT Bắc Lương Sơn		150.768	150.768
74	Trường THPT Hoài Đức A		336.679	336.679
75	Trường THPT Hoài Đức B		344.064	344.064
76	Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức		314.094	314.094
77	Trường THPT Quốc Oai		398.174	398.174
78	Trường THPT Minh Khai		345.805	345.805
79	Trường THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		261.508	261.508
80	Trường THPT Chương Mỹ A		375.635	375.635

em

Số TT	Tên đơn vị	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
		Tổng số	Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước - Kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng 8 tháng đầu năm 2026 (tạm cấp kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ 04 tháng cuối năm 2025)
A	B	1	2
81	Trường THPT Chương Mỹ B	334.142	334.142
82	Trường THPT Chúc Động	346.964	346.964
83	Trường THPT Xuân Mai	431.879	431.879
84	Trường THPT Thanh Oai A	278.390	278.390
85	Trường THPT Thanh Oai B	307.204	307.204
86	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai.	269.100	269.100
87	Trường THPT Thường Tín	326.852	326.852
88	Trường THPT Tô Hiệu - Thường Tín	304.000	304.000
89	Trường THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín	209.112	209.112
90	Trường THPT Văn Tảo	251.644	251.644
91	Trường THPT Lý Tử Tấn	250.464	250.464
92	Trường THPT Mỹ Đức A	380.278	380.278
93	Trường THPT Mỹ Đức B	301.144	301.144
94	Trường THPT Mỹ Đức C	255.612	255.612
95	Trường THPT Hợp Thanh	258.925	258.925
96	Trường THPT Ứng Hoà A	299.735	299.735
97	Trường THPT Ứng Hoà B	247.216	247.216
98	Trường THPT Đại Cường	150.930	150.930
99	Trường THPT Lưu Hoàng	190.176	190.176
100	Trường THPT Trần Đăng Ninh	318.951	318.951
101	Trường THPT Phú Xuyên A	374.643	374.643
102	Trường THPT Phú Xuyên B	301.392	301.392
103	Trường THPT Đồng Quan	309.450	309.450
104	Trường THPT Tân Dân	242.948	242.948
105	Trường THPT Bắc Thăng Long	254.489	254.489
106	Trường THPT Thạch Bàn	267.300	267.300
107	Trường THPT Minh Quang	101.472	101.472
108	Trường THPT Phúc Lợi	215.560	215.560
109	Trường THPT Đông Mỹ	160.692	160.692
110	Trường THPT Xuân Phương	251.798	251.798
111	Trường THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai	151.023	151.023
112	Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh	212.172	212.172
113	Trường THPT Hoài Đức C	136.506	136.506
114	Trường THPT Khương Đình	177.176	177.176
115	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Khương Hạ	106.413	106.413
116	Trường THPT Mỹ Đình	169.669	169.669
117	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	140.800	140.800
118	Trường THPT Minh Hà	78.502	78.502
119	Trường THPT Thọ Xuân	26.657	26.657
120	Trường THPT Đỗ Mười	37.758	37.758
121	Trường THPT Phúc Thịnh	30.883	30.883

OK